

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-PT

Ngày 09 - 01 - 2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu: Ông Nguyễn Văn Nhỏ, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2022/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “ ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 36/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố O, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh A, sinh năm 1992, (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 372, đường 23/8 Khóm M, Phường N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Chị B, sinh năm 1992, (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 372, đường 23/8, Khóm M, Phường N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở hiện nay: Số H10, P, Khu Dân cư Phường Q, Khóm R, Phường Q, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người kháng cáo:* Chị B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn anh A trình bày: Vào năm 2020 anh và chị B tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và ngày 20/02/2020 đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống anh và chị B có

một con chung tên C, cháu trai sinh ngày 30/11/2020 hiện đang sống với chị B. Do anh A và chị B bất đồng quan điểm sống, thường mâu thuẫn và đã ly thân khoảng 06 tháng, chị B về bên nhà cha mẹ ruột ở đến nay. Anh và chị B không có tài sản chung, không có nợ chung.

Anh A xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với chị B, anh đồng ý tiếp tục giao cháu C, cháu trai sinh ngày 30/11/2020 cho chị B được trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chị B không có mặt tại Tòa án cấp sơ thẩm nên không có lời khai.

Từ nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 36/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố O, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh A đối với chị B.

2. Về con chung: Giao cháu C, sinh ngày 30/11/2020 cho chị B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, hiện cháu C đang sống chung với chị B được giữ nguyên.

Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị B không yêu cầu. Anh A có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/8/2022 chị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc anh A cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung là căn nhà đang quản lý sử dụng.

Ngày 06/01/2023, chị B rút một phần nội dung kháng cáo chia tài sản chung là căn nhà đang quản lý sử dụng, chỉ kháng cáo yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Anh A vắng mặt tại phiên tòa có ý kiến trình bày về yêu cầu kháng cáo tại biên bản ghi lời khai ngày 29 tháng 12 năm 2022, đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng và tại biên bản ghi lời khai chị B ngày 06/01/2023 chị B cũng đồng ý anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các

Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của chị B, buộc anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh A và chị B đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh A và chị B.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Anh A và chị B có một con chung tên C, sinh ngày 30/11/2020 hiện do chị B đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B kháng cáo yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Xét thấy: Tại khoản 1 và 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “1. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. 2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Cháu C, sinh ngày 30/11/2020 hiện do chị B đang trực tiếp nuôi dưỡng và chị cũng có nguyện vọng phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Anh A tại đơn khởi kiện xin ly hôn thể hiện đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh A vắng mặt, nhưng có ý kiến trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 29 tháng 12 năm 2022, đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, đồng thời chị B cũng đồng ý anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị B, buộc anh A cấp dưỡng nuôi con, cháu C, sinh ngày 30/11/2020 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày xét xử phúc thẩm (ngày 09/01/2023).

Án phí cấp dưỡng buộc anh A phải chịu 300.000 đồng.

Do vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần bản án sơ thẩm như nêu trên là phù hợp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm chị B không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị B, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 36/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố O, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh A đối với chị B. Cho anh A ly hôn với chị B.

2. Về con chung: Giao cháu C, sinh ngày 30/11/2020 cho chị B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, hiện cháu C đang sống chung với chị B được giữ nguyên.

Buộc anh A phải cấp dưỡng nuôi cháu C, sinh ngày 30/11/2020 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 09/01/2023).

Anh A có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, anh A phải nộp 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng buộc anh A phải nộp 300.000 đồng. Anh A đã dự nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu số 0007400 ngày 14/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố O, tỉnh Bạc Liêu, anh A còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Án phí phúc thẩm chị B không phải nộp, chị B đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu số 0007820 ngày 22/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố O, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND tp. Bạc Liêu (01 bản);
- CCTHADS tp. Bạc Liêu (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Thị Thu Hương